**CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2013 ĐẾN NGÀY 30/06/2013**

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **TRANG** |
|  |  |
| bÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 |
|  |  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 2 |
|  |  |
| bẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ | 3 – 4 |
|  |  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ | 5 |
|  |  |
| bÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ | 6 |
|  |  |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 7 – 25 |
|  |  |

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hội đồng quản trị** |  |
| Ông Trần Văn Hùng | Chủ tịch |
| Ông Dương Công Phùng | Thành viên |
| Ông Phan Văn Hiếu | Thành viên |
| Bà Trần Thị Xuân Thảo | Thành viên |
| Bà Dương Thị Hà | Thành viên |
| Bà Dương Thị Hằng | Thành viên |
| **Ban Tổng Giám đốc** |  |
| Ông Trần Văn Hùng | Tổng Giám đốc |
| Ông Dương Công Phùng | Phó Tổng Giám đốc |

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
* Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
* Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
* Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

|  |
| --- |
| **Trần Văn Hùng** |
| Tổng Giám đốcTP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2013 |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN THUẾ ATAX**  CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN  Lô A92 đường 30 tháng 4, TP. Đà Nẵng Tel: 05113. 639 639  Website: [www.atax.vn](http://www.atax.vn) Fax: 05113. 639 638  VPĐD tại TP HCM: Tòa nhà Indochina, Số 4, Nguyễn Đình Chiểu, Q1, TP HCM |

# *Số 134 - TC13/BC-ATAX*

*Đà Nẵng, ngày 15 tháng 08 năm 2013*

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Của Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ, cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container (“Công ty”) được lập ngày 15/08/2013, từ trang 3 đến trang 25 đính kèm, gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ ATAX** |
| **Kiểm toán viên** |  | **Giám đốc** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **Võ Thị Thu** |  | **Nguyễn Văn Sĩ** |
| *Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  *Số 1702-2013-105-1* |  | *Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  *Số 0104-2013-105-1* |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**(Dạng đầy đủ)**

*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013*

**MẪu B01A-DN**

Đơn vị tính: VND

******BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**Dạng đầy đủ**

*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013*

**MẪu B01A-DN**

Đơn vị tính: VND



\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Trần Thị Thúy Mai Hoàng Tuấn Trần Văn Hùng**

*Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc*

*TP Hồ Chí Minh, ngày 15/08/2013*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**(Dạng đầy đủ)**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013*

**MẪu B02A-DN**

Đơn vị tính: VND



(\*): Trong số Lỗ 13.419.172.798 VND trên đây có 5.508.969.300 VND là khoản trích lập dự phòng nợ phải thu đã quá hạn thanh toán.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Trần Thị Thúy Mai Hoàng Tuấn Trần Văn Hùng**

*Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc*

*TP Hồ Chí Minh, ngày 15/08/2013*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**(Dạng đầy đủ)**

(*Theo phương pháp gián tiếp)* **Mẫu B03A-DN**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013* Đơn vị tính: VND



\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Trần Thị Thúy Mai Hoàng Tuấn Trần Văn Hùng**

*Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc*

*TP Hồ Chí Minh, ngày 15/08/2013*

1. **ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**
   1. **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301411035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 10 năm 2000. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất (thay đổi lần thứ 11) ngày 12/07/2011.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất (thay đổi lần thứ 11) ngày 12/07/2011 là 94.598.790.000 VND.

Các cổ đông sáng lập (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất) gồm:



Tình hình góp vốn thực tế đến 30/06/2013 được trình bày ở Thuyết minh V.16 – Vốn chủ sở hữu.

Trụ sở của Công ty đóng tại số 62 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh gồm Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng đạo Container tại Bình Dương, Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng đạo Container tại Đà Nẵng, Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng đạo Container tại Nha Trang, Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng đạo Container tại Hà Nội, Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng đạo Container tại Hải Phòng.

* 1. **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán, cho thuê, vận tải hàng hóa bằng container.

1. **KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**
2. **Kỳ kế toán năm**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành kèm theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và tất cả các Chi nhánh sau khi loại trừ các giao dịch nội bộ.

1. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin phải trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21-Trình bày báo cáo tài chính.

1. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất mà giá gốc của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, cùng chi phí bán hàng và phân phối phát sinh. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định**

**Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ chi phí doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ngày ghi nhận ban đầu được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các khoản chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản. Chi phí phát sinh khi ghi nhận chi phí ban đầu không thoả mãn điều kiện này thì được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Xác định nguyên giá trong một số trường hợp sau đây:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính cho nhóm tài sản cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Kỳ này** |  |
|  | (Năm) |  |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 30 |  |
| Máy móc, thiết bị | 8 - 12 |  |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 6 - 10 |  |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 5 - 10 |  |
| Tài sản cố định khác | 5 - 10 |  |

**Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến. Xác định nguyên giá trong các trường hợp:

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không trích khấu hao.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Giá trị công cụ dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn, tiền thuê đất.

Các khoản chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên, được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm (tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của từng loại chi phí). Riêng tiền thuê quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian thuê.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế sẽ không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

+ Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện: (1) phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; (2) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, (3) doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, (4) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, (5) xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ được quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, gồm:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí này được ghi nhận bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán…; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái…

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**11. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận vào thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra “Đồng Việt Nam” theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, ngoại trừ các tài khoản: Trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ và các khoản chi phí trả trước bằng ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được xử lý theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Việc xác định thu nhập, chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty không chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**



1. **Các khoản phải thu**

****

**(\*)**  Đây là các doanh nghiệp đang gặp khó khăn về tài chính, tổng số dư Nợ phải thu các đối tượng này là 15.347.640.995 VND. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản nợ phải thu này theo tuổi nợ với tổng mức đã trích lập là 5.508.969.300 VND.

* 1. **Các khoản phải thu khác**



(\*) Là số tiền Công ty đã ứng trước cho luật sư nước ngoài phục vụ cho việc khởi kiện các khách hàng chưa thanh toán các khoản nợ cho Công ty.

**4. Hàng tồn kho**



\* Toàn bộ giá trị ghi sổ của hàng hóa tồn kho trên đây đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ vay tại các ngân hàng.

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

****

(\*) Số dư tài khoản Tài sản thiếu chờ xử lý tại ngày 30/06/2013 là giá trị còn lại của những Container cho Công ty TNHH MTV Vận tải biển Container Vinalines thuê đã bị mất. Khoản nợ này chưa được thu hồi do hai bên chưa đạt được thỏa thuận về đền bù tài sản bị mất.

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình **

(\*) Một số tài sản đã được phân loại lại từ Tài sản cố định khác và Thiết bị dụng cụ quản lý sang Máy móc thiết bị tại ngày 01/01/2013.

- Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2013 của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.023.377.527 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.799.564.389 VND.

**7. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**



**8. Tài sản cố định vô hình**



- Quyền sử dụng 9.946 m2 đất tại ấp Ngãi Thắng, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương bao gồm các chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng để có đất sạch tại địa chỉ này. Theo quyết định số 2614/QĐ/CT ngày 23/07/2001 của UBND tỉnh Bình Dương, về việc thu hồi đất của Ông Trần Văn Hùng, cho thuê và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty CP Hưng Đạo Container. Theo đó, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Sở Địa chính tỉnh Bình Dương ngày 02/08/2001 để thuê lô đất này trong thời gian 30 năm kể từ tháng 07/2001.

Quyền sử dụng 9.946 m2 đất thuê nói trên đã được thế chấp để vay vốn ngân hàng.

- Công ty thuê 3.000 m2 đất tại Khu công nghiệp Hà Nội – Đài Tư (Thành phố Hà Nội) với thời gian thuê là 39 năm (từ tháng 8/2007 đến tháng 8/2045).

Quyền sử dụng 3.000 m2 đất thuê nói trên đã được thế chấp để vay vốn ngân hàng.

**9. Chi phí trả trước dài hạn**



**(1) Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Hòa Cầm**

Công ty thuê 10.080 m2 đất tại Khu công nghiệp Hòa Cầm, thành phố Đà Nẵng để làm depot container. Thời hạn thuê là 50 năm kể từ tháng 10/2007.

**(2) Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Suối Dầu**

Công ty thuê 6.156 m2 đất tại Khu công nghiệp Suối Dầu, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa để làm depot container. Thời hạn thuê là 40 năm kể từ tháng 9/2008.

1. **Tài sản dài hạn khác**

****

1. **Vay và nợ ngắn hạn**



(\*) Chi tiết số dư Nợ vay ngắn hạn ngân hàng



(\*\*) Chi tiết số dư Nợ dài hạn đến hạn trả được trình bày tại thuyết minh số V.15b

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**



**13. Chi phí phải trả**

****

**14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

****

**15. Vay dài hạn và nợ dài hạn**

**a/ Vay dài hạn**

****

(\*) Chi tiết nợ vay dài hạn ngân hàng như sau:



**b/ Nợ dài hạn**

****

**(\*) Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính**

****

**16. Vốn chủ sở hữu**

**a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**



(\*) Trong đó, tổng giá trị đã trích lập dự phòng nợ phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin, và Công ty TNHH MTV Vận tải biển Container Vinalines theo tuổi nợ là 5.508.969.300 VND như được trình bày tại thuyết minh V.2 – Các khoản phải thu.

**b/ Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

****

\* Số lượng cổ phiếu quỹ 140.000 cổ phiếu

**c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

****

**d/ Cổ phiếu**

****

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

****

**2. Giá vốn hàng bán**

****

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

****

**4. Chi phí tài chính**

****

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

****

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những khoản nợ tiềm tàng**

Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, Công ty cũng đang gặp khó khăn về tài chính nên trong 6 tháng đầu năm 2013 chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Tính đến 30/06/2013, ước tính số tiền Công ty phải nộp phạt do chậm nộp thuế theo quy định hiện hành là 2.240.790.059 VND. Công ty có phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng do phát sinh chi phí phạt nộp chậm tiền thuế hay không tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế.

1. **Giao dịch và số dư các bên liên quan**

Một số giao dịch trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và số dư tại ngày 30/06/2013 trọng yếu với các bên liên quan như sau:

**a/ Mối quan hệ**

****

**b/ Giao dịch mua bán, vay mượn với bên có liên quan**





****

****

**c/ Thế chấp tài sản**

****

**d/ Số dư với bên liên quan**

****

****

****

****

****

**e/ Thu nhập của Ban giám đốc**

****

**3. Thông tin khác**

- Một số khoản nợ phải thu của các đối tượng như Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin, và Công ty TNHH MTV Vận tải biển Container Vinalines với tổng số dư nợ phải thu đến ngày 30/06/2013 là 15.347.640.995 VND. Các đối tượng công nợ này đang gặp khó khăn về tài chính. Công ty đang khởi kiện các đối tượng này để thu hồi số nợ nêu trên.

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 01 tháng 06 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng (MCK: DHL) vào Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container. Tỷ lệ chuyển đổi DHL sang HDO là 01 cổ phiếu DHL đổi lấy 01 cổ phiếu HDO.

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu để hoán đổi cho Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container theo Giấy chứng nhận số 31/GCN-UBCK cấp ngày 07/08/2013 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Theo đó, Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container được đăng ký phát hành để hoán đổi theo các nội dung sau:

+ Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông

+ Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND.

+ Tổng số lượng cổ phiếu phát hành là: 5.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng để hoán đổi cổ phiếu.

+ Tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá cổ phiếu): 55.000.000.000 VND (Năm mươi lăm tỷ đồng).

+ Thời gian phân phối: trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Trần Thị Thúy Mai Hoàng Tuấn Trần Văn Hùng**

*Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc*

*TP Hồ Chí Minh, ngày 15/08/2013*